

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 - 12 - 2018.

Về việc ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di.
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đăng D**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị Cẩm T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Đăng D trình bày:

Ông và bà T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống, do ông thường hay đi biển nên bà T ở nhà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông đã bắt gặp nhiều lần nhưng vẫn tha thứ để vợ chồng chung sống đoàn tụ nuôi con. Tuy nhiên bà T chứng nào tật nấy đến năm 2008 thì bỏ nhà đi luôn

không báo cho ai biết và hiện tại tôi cũng không biết bà T ở đâu, còn sống hay đã chết nên theo đề nghị của ông, ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố bà T mất tích. Nay ông tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T và đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định.

Về con chung: Ông D và bà T có 03 con chung gồm Nguyễn Đăng D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không có bệnh tật gì và không yêu cầu giải quyết và 02 con Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2007, ông yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Dương Thị Cẩm T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và triệu tập hợp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, do bà T đã bị tuyên bố mất tích và hiện cũng không có tin tức gì nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đăng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà Dương Thị Cẩm T đã bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST ngày 29/11/2018 và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn và hiện nay bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông D bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông D và bà T có 03 con chung gồm Nguyễn Đăng D, sinh năm 2000 đã trưởng thành không có bệnh tật gì và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến và 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15/8/2001 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/10/2007, do bà T bị mất tích nên giao cho ông D được nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Ông D phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Đăng D và bà Dương Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 15/8/2001 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/10/2007. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đăng D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005341 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

HOÀNG TRÍ THỨC